

Bình Tân, ngày 12 tháng 6 năm 2025

Số: 14/2025/QĐST - DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 177/2024/TLST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1966

Bà **Trần Thị Kiều N**, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 195; bà **Lê Thị Ú**, sinh năm 1962. Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Bá S1**, sinh năm 1994.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kiều N1, anh Nguyễn Bá S1:* Ông **Nguyễn Hoàng S** (theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2024). Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị Kiều N, ông Nguyễn Hoàng S và ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Ú đồng ý tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “*Tờ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 11/9/2007 và “*Hợp đồng mua bán đất*” ngày 23/12/2015 giữa ông S, bà N với ông P, bà Ú.

2.2. Công nhận cho ông S, bà N được đứng tên quyền sử dụng đất có diện tích bằng 157,3m<sup>2</sup> (gắn liền căn nhà cấp 4) thuộc thửa 314, loại đất ONT, tờ bản đồ số 10 (*thửa cũ là 380, tờ bản đồ số 8, diện tích chung là 1.700m<sup>2</sup>, loại đất thổ quả*), tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng.

Ông S, bà N được quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đã được công nhận theo quy định của pháp luật đất đai (*Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 19/5/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B*).

2.3. Ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Ú có trách nhiệm giao lại Cơ quan có thẩm quyền bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 380, tờ bản đồ số 8, diện tích chung 1.700m<sup>2</sup>, loại đất thổ quả, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng, được UBND huyện B (hiện nay là huyện B) cấp quyền sử dụng ngày 01/10/1996 khi ông S, bà N thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đã được công nhận.

2.4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc là 2.329.000đ.

2.4.1. Ông Nguyễn Hoàng S, bà Trần Thị Kiều N phải nộp 1.164.500đ (*đã nộp xong*). Ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Ú phải nộp 1.164.500đ (*đã nộp xong*).

2.4.2. Do ông S, bà N đã nộp tạm ứng xong nên buộc bà Ú, ông P nộp hoàn trả ông S, bà N số tiền 1.164.500đ (*một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Ú (*do là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí*).

+ Ông Nguyễn Hoàng S, bà Trần Thị Kiều N phải nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền án phí ông S, bà N phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000103 ngày 07/11/2024; ông S được nhận lại 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và bà N được nhận lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000104 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án/quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01
- VKSND huyện Bình Tân: 01
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01
- Các đương sự: 05
- Lưu: 04.

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Mười Hai**

